

TỜ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG THUỐC GOODCAM

Để xa tằm tay trẻ em

Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng

THÀNH PHẦN, HÀM LƯỢNG CỦA THUỐC:

Mỗi viên nén bao phim chứa:

Thành phần hoạt chất:

Vitamin B ₁	15 mg
Vitamin B ₂	15 mg
Vitamin B ₅	25 mg
Vitamin B ₆	10 mg
Vitamin PP	50 mg

Thành phần tá dược:

Lactose monohydrat, Avicel 102, PVP K30, Sodium starch glycolate, Talc, Magnesi stearat, Hypromellose (HPMC) 6, Polyethylene glycol (PEG) 3350, Titan dioxyd, Polydextrose, Sắt oxyd vàng, Tartrazin.

DẠNG BẢO CHẾ:

Viên nén bao phim màu vàng, hai mặt trơn.

CHỈ ĐỊNH:

Hỗ trợ điều trị suy nhược chức năng của cơ thể.

LIỀU DÙNG, CÁCH DÙNG:

Cách dùng:

Thuốc được dùng bằng đường uống và chỉ dùng cho người lớn.

Nuốt viên thuốc với một ít nước.

Liều dùng:

Uống 2 đến 4 viên/ngày.

Thời gian điều trị kéo dài không quá 4 tuần.

CHỐNG CHỈ ĐỊNH:

Bệnh nhân quá mẫn với hoạt chất hoặc bất cứ thành phần nào của thuốc.

Chống chỉ định phối hợp với levodopa (xem phần Tương tác thuốc).

CẢNH BÁO VÀ THẬN TRỌNG KHI DÙNG THUỐC:

Không dùng quá liều khuyến cáo.

Quá liều cấp tính hoặc mạn tính làm tăng nguy cơ gặp tác dụng không mong muốn.

Cần cân nhắc liều dùng, tính đến lượng vitamin đưa vào cơ thể từ các nguồn khác bao gồm thực phẩm tăng cường, thực phẩm bổ sung và các thuốc sử dụng đồng thời.

Nên tư vấn về sử dụng thuốc cho bệnh nhân đang dùng các chế phẩm bổ sung vitamin (đơn độc hoặc kết hợp), đang trong chế độ đặc biệt, đang được điều trị hoặc chăm sóc y tế khác.

Bệnh nhân suy thận nặng (GFR <30 ml/phút) nên tham khảo ý kiến bác sĩ trước khi dùng thuốc. Điều chỉnh liều có thể cần thiết. Cần đặc biệt chú ý đến liều vitamin B₆.

Vitamin B₁ và B₆ có thể ảnh hưởng đến các kết quả xét nghiệm cận lâm sàng và do đó có thể gây sai sót trong phiên giải kết quả. Nếu cần tiến hành xét nghiệm, hãy thông báo cho bác sĩ về việc đang dùng thuốc này.

Không dung nạp lactose: Thuốc có chứa lactose monohydrat, bệnh nhân có vấn đề di truyền hiếm gặp về không dung nạp galactose, thiếu hụt Lapp lactase hoặc kém hấp thu glucose-galactose không nên dùng thuốc này.

SỬ DỤNG THUỐC CHO PHỤ NỮ CÓ THAI VÀ CHO CON BÚ:

Sử dụng Goodcam được cho là an toàn ở phụ nữ có thai và cho con bú khi dùng ở liều khuyến cáo.

Tuy nhiên, hiện nay vẫn chưa có các nghiên cứu có đối chứng để có thể đánh giá nguy cơ ở phụ nữ có thai hoặc cho con bú, chỉ nên dùng thuốc khi có chỉ định lâm sàng và được bác sĩ khuyến dùng. Liều dùng không được vượt quá liều khuyến cáo. Thực tế, quá liều có thể gây hại cho thai nhi và trẻ sơ sinh. Lượng vitamin sử dụng hàng ngày phải được tuân thủ bắt kể nguồn cung cấp vitamin. Vitamin có trong Goodcam được bài tiết vào sữa mẹ, cần cân nhắc điều này khi cho con bú.



ẢNH HƯỞNG CỦA THUỐC LÊN KHẢ NĂNG LÁI XE, VẬN HÀNH MÁY MÓC:

Không có thông tin.

TƯƠNG TÁC, TƯƠNG Kỵ CỦA THUỐC:

Tương tác chống chỉ định

Ức chế hoạt động của levodopa khi không sử dụng cùng chất ức chế dopadecarboxylase ngoại biên. Tránh dùng pyridoxin khi không có chất ức chế dopadecarboxylase.

Tương tác cần thận trọng

Urobilinogen: vitamin B₁ và vitamin B₆ có thể gây dương tính giả trong các xét nghiệm sử dụng thuốc thử Ehrlich.

TÁC DỤNG KHÔNG MONG MUỐN CỦA THUỐC:

Các biến cố bất lợi sau được xác định trong thời gian lưu hành, báo cáo tức thời và không thể đánh giá tần suất chính xác.

Rối loạn tiêu hóa

Đau bụng, đau dạ dày, ruột, buồn nôn, nôn, táo bón, tiêu chảy.

Rối loạn hệ miễn dịch

Phản ứng dị ứng, phản ứng phản vệ, sốc phản vệ.

Phản ứng quá mẫn bao gồm các biến cố sau: hen, phản ứng mức độ trung bình liên quan đến da, hệ hô hấp, hệ tiêu hóa, hệ tim mạch. Các triệu chứng có thể bao gồm phát ban, nổi mề đay, sưng mắt, ngứa, thờ khò khè, suy tim - hô hấp, và các phản ứng nghiêm trọng bao gồm sốc phản vệ.

Trong trường hợp dị ứng, cần ngay lập tức ngừng thuốc và tham khảo ý kiến bác sĩ.

Rối loạn hệ thần kinh

Đau đầu

Rối loạn thận, tiết niệu

Nước tiểu có màu: Có thể thấy nước tiểu có màu sáng. Tác dụng này không gây hậu quả trên lâm sàng và do thành phần vitamin B₂ trong thuốc.

QUÁ LIỀU VÀ CÁCH XỬ TRÍ:

Không có bằng chứng về việc Goodcam có thể gây quá liều khi dùng ở liều khuyến cáo.

Cần tuân thủ lượng vitamin tiêu thụ khi vitamin được cung cấp từ các nguồn khác.

Các triệu chứng chung của quá liều bao gồm: lú lẫn, rối loạn tiêu hóa như táo bón, tiêu chảy, buồn nôn và nôn. Nếu có các triệu chứng này, ngừng thuốc và tham khảo ý kiến bác sĩ.

Quá liều cấp tính hoặc mạn tính (lớn hơn 2 lần liều khuyến cáo) có thể gây độc tính nếu điều trị liên quan đến vitamin C hoặc vitamin B₆. Các dấu hiệu và triệu chứng lâm sàng, kết quả xét nghiệm sinh hóa và hậu quả của quá liều thường đa dạng và phụ thuộc tính nhạy cảm của bệnh nhân cũng như tình trạng bệnh. Nếu nghi ngờ có quá liều, nên ngừng điều trị và gặp bác sĩ để điều trị các triệu chứng lâm sàng.

ĐẶC TÍNH ĐƯỢC LỰC HỌC:

Nhóm dược lý: vitamin (A: tiêu hóa và chuyển hóa)

Mã ATC: A11EA

Cơ chế tác dụng

Các vitamin rất cần thiết cho hoạt động của tế bào thông qua việc tham gia vào quá trình trao đổi chất và cũng rất quan trọng để duy trì sự cân bằng trong tế bào nhờ vai trò điều phối.

Tất cả các sinh vật đều cần có vitamin để duy trì sự sống và sức khỏe tốt. Cơ thể con người không có khả năng tổng hợp vitamin, do đó phụ thuộc vào việc cung cấp vitamin ngoại sinh liên tục. Cung cấp đầy đủ vitamin đặc biệt quan trọng đối với các vitamin hòa tan như vitamin B do chúng không được dự trữ trong cơ thể.

Các vitamin nhóm B có trong chế phẩm này là một phần của hệ thống enzym điều hòa nhiều con đường trao đổi chất như chuyển hóa carbohydrat, chất béo và protein. Mỗi thành phần đóng một vai trò sinh học cụ thể.

Trong chuyển hóa trung gian, các hệ thống enzym như co-enzym được hình thành từ các đơn vị chức năng bao gồm vitamin B.

Thời gian đáp ứng tổng của mỗi hệ enzym này được xác định bởi bước chậm nhất của chuỗi phản ứng liên quan, việc mất hoạt tính của một yếu tố duy nhất có thể trì hoãn hoạt động của toàn bộ hệ thống, trong khi ngược lại, sử dụng co-enzym có thể kích thích việc tổng hợp apoenzym.

Các thành phần có hoạt tính của Goodcam, là các coenzym có mặt trong hơn một trăm chuỗi enzym, một số trong đó cực kỳ quan trọng và cần thiết cho sự sống của tế bào.

Trong trường hợp không thiếu vitamin, việc sử dụng đồng thời nhiều vitamin hợp lý hơn việc sử dụng từng vitamin riêng biệt. Việc điều trị này chống lại các rối loạn hô hấp tế bào và rối loạn chuyển hóa protein, acid amin, carbohydrat và lipid gây ra bởi sự thiếu hụt co-enzym.

Do có nhiều tác dụng, có thể sử dụng Goodcam trong nhiều trường hợp thiếu hụt vitamin. Thật vậy, thuốc được dùng trong nhiều bệnh lý hoặc sau khi dùng thuốc khác (ví dụ như kháng sinh hoặc điều trị khác gây ra thiếu hụt), mất cảm giác ngon miệng, chế độ ăn uống không đầy đủ, rối loạn hấp thu và tăng nhu cầu (ví dụ như trong thời kỳ tăng trưởng), hoặc khi bổ sung không đầy đủ. Hơn nữa, với vai trò quan trọng của các hợp chất này như là chất xúc tác của các phản ứng tạo năng lượng trong quá trình trao đổi chất thứ cấp và trong chuỗi hô hấp, sử dụng thuốc cũng được khuyến cáo ở bệnh nhân đang hồi sức sau ốm.

ĐẶC TÍNH DƯỢC ĐỘNG HỌC:

Các vitamin nhóm B được hấp thu ở ruột và thải trừ qua nước tiểu ở dạng đã chuyển hóa.

QUY CÁCH ĐÓNG GÓI :

Vi 10 viên; hộp 3 vi, hộp 5 vi, hộp 6 vi và hộp 10 vi.

Chai 60 viên, chai 100 viên và chai 200 viên.

ĐIỀU KIỆN BẢO QUẢN, HẠN DÙNG, TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG CỦA THUỐC :

Điều kiện bảo quản: Nơi khô, nhiệt độ dưới 30⁰C, tránh ánh sáng.

Hạn dùng: 36 tháng kể từ ngày sản xuất.

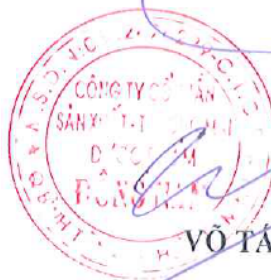
Thuốc sản xuất theo Tiêu chuẩn cơ sở

TÊN, ĐỊA CHỈ CỦA CƠ SỞ SẢN XUẤT THUỐC :



CÔNG TY CỔ PHẦN SX - TM DƯỢC PHẨM ĐÔNG NAM
Lô 2A, Đường 1A - KCN Tân Tạo, P.Tân Tạo A, Q. Bình Tân - TP.HCM.
ĐT:(028) 3754.1748, (028) 3754.1749; FAX: (028) 3754.1750.

CÔNG TY CỔ PHẦN SX - TM DP ĐÔNG NAM
Tổng Giám Đốc



VÕ TẤN LỘC